

Số: /QĐ - TĐC

Nam Định, ngày tháng 02 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố, công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý IV năm 2022

#### CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;*

*Căn cứ Quyết định số 1376/QĐ- KHCVN ngày 28/12/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định về việc phân bổ dự toán chi NSNN năm 2022 cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;*

*Xét đề nghị của Phòng Quản lý Đo lường – Tổng hợp.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố, công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2022 của Văn Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Nam Định (Theo biểu số 03 kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải tại mục “Công khai ngân sách” trên trang Website của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định, tại địa chỉ: <http://skhcn.namdinh.gov.vn>

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Đo lường Tổng hợp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Đào Việt Hà**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường  
Chất lượng  
Chương: 417

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày tháng 02 năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ IV NĂM 2022**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày /02/2023 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Nam Định)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Nam Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách tại Văn phòng Chi cục quý IV năm 2022 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT     | Nội dung   | Dự toán năm | Ước thực hiện quý IV/2022 | Ước thực hiện quý IV/Dự toán năm 2022(tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý IV năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----------|--|-------------|---------------------------|--|--|
| 1         | 2  | 3           | 4                         | 5  | 6  |
| <b>A</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |             |                           |  |  |
| <b>I</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |             |                           |  |  |
| 1         | Lệ phí   |             |                           |  |  |
|           | Lệ phí cấp đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy      | 0,9         | 0                         | 0  |  |
| <b>II</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |             |                           |  |  |
| <b>I</b>  | <b>Lệ phí</b>                                      |             |                           |  |  |
|           | Lệ phí cấp đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy      | 0,9         | 0                         | 0  |  |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              |             |                           |  |  |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |             |                           |  |  |

|          |  |              |                |              |               |
|----------|--|--------------|----------------|--------------|---------------|
| <b>1</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>              | <b>1.692</b> | <b>570,864</b> | <b>33,74</b> | <b>143,32</b> |
| 1.1      | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ           | 1.692        | 570,864        |              |               |
| 1.2      | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ     |              |                |              |               |
| <b>2</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b> | <b>2.636</b> | <b>388,667</b> | <b>14,74</b> | <b>15,60</b>  |
| 2.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên             |              |                |              |               |
| 2.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên       | 2.636        | 388,667        |              |               |
| <b>3</b> | <b>Chi sự nghiệp đào tạo</b>               | <b>30</b>    | <b>19,5</b>    | <b>65,00</b> | <b>243,72</b> |
| 3.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên             |              |                |              |               |
| 3.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên       | 30           | 19,5           |              |               |